TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 17-3-2022
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Vương Đạo.

Bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Trần Anh Đ, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Số 39B N, Khu phố A, Phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 18 tháng 12 năm 2021).

- *Bị đơn*: Chị Võ Ngọc T, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Ông D có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Trần Anh Đ có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn D trình bày:

Chị Đ là Giao dịch viên làm việc tại Ngân hàng N– Chi nhánh thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Vào lúc 16 giờ 45 phút, ngày 19/01/2021, chị Võ Ngọc T đến giao dịch tại Ngân hàng và tại quầy giao dịch do

chị Đ thực hiện. Chị T yêu cầu thực hiện giao dịch chuyển tiền cho Trường Đại học C Thành phố Hồ Chí Minh để đóng học phí cho chị Nguyễn Thị Lâm N với số tiền 20.815.000 đồng. Phí chuyển tiền của loại giao dịch này là 22.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền chị T cần phải giao cho chị Đ là 20.837.000 đồng. Tuy nhiên, chị T chỉ giao cho chị Đ số tiền 11.000.000 đồng, gồm 22 tờ mệnh giá 500.000 đồng. Do sơ sót, chị Đ đã nhầm lẫn chị T nộp 21.000.000 đồng nên đã thoái thu lại cho chị T số tiền 163.000 đồng. Chị T ký xác nhận vào bảng kê các loại mệnh giá tiền đã nộp chỉ có 10.837.000 đồng, thiếu 10.000.000 đồng so với nội dung giao dịch.

Chị Đ đã thực hiện giao dịch chuyển tiền trên hệ thống đúng như yêu cầu ban đầu của chị T. Tuy nhiên, đến khi kiểm quỹ cuối ngày thì chị Đ phát hiện chị đã thu thiếu số tiền 10.000.000 đồng của chị T. Chị Đ gọi điện mời chị T trở lại Ngân hàng để xem lại hệ thống Camera giám sát, chị T thừa nhận chị chỉ nộp 11.000.000 đồng, chị T hứa hẹn nộp thêm số tiền 10.000.000 đồng vào vài ngày sau. Tuy nhiên, đến nay chị T vẫn không thực hiện. Chị Đ đã phải tự nộp bổ sung số tiền này cho Ngân hàng.

Do đó, chị Đ khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền 10.000.000 đồng, cùng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 19/01/2021 đến ngày Tòa án giải quyết và trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, chị Đ không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị Võ Ngọc T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời xác định mức lãi suất yêu cầu là 0,83%/tháng, bị đơn chị T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp đòi tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn chị Võ Ngọc T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trương Trần Anh Đ: Chị Đ yêu cầu chị Võ Ngọc T trả số tiền 10.000.000 đồng, cùng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 19/01/2021 đến ngày Tòa án giải quyết và trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.1] Về đòi lại tài sản: Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù chị Đ là người thực hiện giao dịch chuyển tiền cho chị T nhưng giữa chị Đ và chị T không tồn tại giao dịch dân sự. Giao dịch dân sự thực tế là giữa chị T và Ngân hàng. Giao dịch này đã hoàn tất theo đúng nội dung yêu cầu của chị T. Đồng thời, xuất phát từ sự sai sót của bản thân, chị Đ cũng đã tự thanh toán số tiền 10.000.000 còn thiếu trong giao dịch cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ giải quyết quan hệ đòi lại tài sản giữa chị Đ và chị T, đồng thời không đưa Ngân hàng, Trường Đại học C Thành phố Hồ Chí Minh hay chị Nguyễn Thị Lâm N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong các tài liệu, chứng cứ chị Đ giao nộp cho thấy, đoạn Video ghi lại quá trình giao dịch ngày 19/01/2021 chưa đủ cơ sở để xác định người ngồi tại quầy giao dịch trong đoạn Video là chị Võ Ngọc T. Tuy nhiên, ngoài đoạn Video, chị Đ còn giao nộp 01 Chứng từ giao dịch và 01 Giấy nộp tiền cùng ngày 19/01/2021. Chứng từ giao dịch đã thể hiện chị Đ thực hiện giao dịch chuyển tiền cho chị T với tổng số tiền 20.837.000 đồng (bao gồm cả phí giao dịch). Tuy nhiên, thực tế Giấy nộp tiền chỉ thể hiện số tiền chị T đã nộp là 10.837.000 đồng. Cả 02 tài liệu này đều có xác nhận của chị T tại mục "Khách hàng". Giấy nộp tiền được xác lập trước Chứng từ giao dịch. Điều đó chứng minh lời trình bày và yêu cầu của chị Đ là có cơ sở, Hội đồng xét xử xác định chị T là người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật, chị Đ là người bị thiệt hại do phải thanh toán số tiền 10.000.000 đồng lại cho Ngân hàng. Do đó, chị T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng cho chị Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 579 và khoản 4 Điều 580 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về khoản tiền lãi: Theo quy định tại khoản 1 Điều 581 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *"Người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật và không ngay tình thì phải hoàn trả hoa lợi, lợi tức thu được từ thời điểm chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật"*. Do đó, chị Đ yêu cầu chị T ngoài việc phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng còn phải trả thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 19/01/2021 đến ngày Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền trong trường hợp này được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Thời gian chậm trả được tính từ ngày 20/01/2021 đến ngày 17/3/2022 là 01 năm 01 tháng 26 ngày. Theo đó, số tiền lãi chị T phải trả được xác định như sau: 10.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 năm 01 tháng 26 ngày = 1.150.933 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Đ được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 579, khoản 4 Điều 580, khoản 1 Điều 581, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Trần Anh Đ

Buộc chị Võ Ngọc T có nghĩa vụ trả cho chị Trương Trần Anh Đ số tiền 11.150.933 đồng *(Mười một triệu, một năm mươi nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng),* thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Chị Võ Ngọc T phải nộp 557.546 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Trương Trần Anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008056 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm